

Ngày 21-4-2023

V/v “Yêu cầu chia tài sản sau ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Nguyễn Văn H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 239/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An, xã A, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: 571, tổ 13, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:* Bà T với ông H có quan hệ vợ chồng, hai người kết hôn vào năm 2018, trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc nên bà T đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại quyết định Công nhận sự thuận tình ly hôn số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn vợ chồng không tự thỏa thuận được tài sản chung. Tài sản chung của vợ chồng có trong giai đoạn hôn nhân là quyền sử dụng đất thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ, đất có nguồn gốc do vợ chồng nhận chuyển nhượng của người khác, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng cùng đứng tên.

Nay, bà T yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ, bà T yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ bằng hiện vật. Bà T đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, từ ngày đo vẽ, thẩm định, định giá đến nay hiện trạng sử dụng đất vẫn không thay đổi, trên đất không có cây trồng vật kiến trúc chỉ có hàng rào, bà T không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng và xác minh thu thập thêm chứng cứ.

** Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông H thống nhất với bà T về tình trạng hôn nhân và tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ mà bà T tranh chấp. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; Về con chung ông H trực tiếp nuôi 02 người con chung, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/1 người con, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/02/2022. Từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật bà T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên tài sản chung không thỏa thuận được. Ông H đồng ý chia tài sản chung cho bà T nhưng chỉ chấp nhận chia 1/3; ông H 1/3, các con 1/3, hiện tại 2 người con do ông H nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nên ông H đại diện nhận phần của con, nghĩa là ông H được nhận 2/3 tài sản chung. Ông H đồng ý với kết quả đo đạc, định giá, từ ngày đo vẽ, thẩm định, định giá đến nay hiện trạng sử dụng đất vẫn không thay đổi, trên đất không có cây trồng vật kiến trúc chỉ có hàng rào, ông H không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng và xác minh thu thập thêm chứng cứ.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng suy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ và chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đương sự và tranh luận tại phiên tòa. Quyền sử dụng đất thửa đất 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ các bên thống nhất là tài sản chung, không thống nhất được cách chia, áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu của bà T có căn cứ để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà T yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn, tài sản tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, vị trí đất tại huyện Đất Đỏ, ông H có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quyền khởi kiện yêu cầu: Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn, về tài sản chung và nợ chung ghi không yêu cầu giải quyết, nghĩa là chưa được giải quyết bằng một bản án, quyết định nên bà T có quyền khởi kiện tranh chấp.

[2] *Về nội dung*: Bà T và ông H trước đây có quan hệ vợ chồng, năm 2022 hai người đã ly hôn tại Quyết định thuận tình ly hôn số 05/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, về phần tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 895954 vào sổ cấp giấy số 0501186 ngày 19/12/2017 do bà T và ông H cùng đứng tên. Mảnh trích đo địa chính số 13-2023 ngày 14/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ diện tích đất là 1.763,9m² trong đó có 100m² đất ở. Do không tự thỏa thuận được cách chia nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết, ông H thống nhất là tài sản chung chấp nhận chia cho bà T, nhưng do bà T không cấp dưỡng nuôi con nên dành một phần cho con, chấp nhận chia cho bà T 1/3 tài sản chung. Trong quá trình thụ lý hòa giải và tại phiên tòa các bên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

[3] *Xét yêu cầu của bà T*:

[3.1] Về nguồn gốc đất các bên đều thông nhất là do vợ chồng nhận chuyển nhượng trong giai đoạn hôn nhân, từ nguồn vốn của vợ chồng là tài sản chung, nhưng chưa được chia khi ly hôn, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3.2] Tài sản chung của vợ chồng theo nguyên tắc được chia đôi có xem xét đến công sức đóng góp, do tài sản được hình thành trong giai đoạn hôn nhân từ nguồn vốn chung của vợ chồng, không bên nào có công sức nhiều hơn, công sức các bên là ngang nhau nên được chia đôi theo Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông H yêu cầu được chia 2/3 nhưng không chứng minh được công sức đóng góp nhiều hơn vào tài sản chung, lý do bà T không cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định thì ông H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành, không là căn cứ để ông yêu cầu được chia tài sản nhiều hơn. Bà T yêu cầu được chia 1/2 tài sản chung phù hợp tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Tại Công Văn số 80/CNVPĐK-ĐKCG ngày 16/01/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ; thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ được tách thửa khi đủ các điều kiện tại Quyết định 15/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, yêu cầu của bà T được chia hiện vật là quyền sử dụng đất, đất đủ điều kiện tách thửa nên chấp nhận. Tại Mảnh trích đo địa chính số 13-2023 ký hiệu Lô 1 diện tích 881,9m²; lô 2 có diện tích 798,6m²; lô 3 có diện tích 83,4m², lô 3 là con đường tự mở trên thửa đất 317 để làm lối đi vào nhà của ông H, nên chia cho ông H được hưởng lô 2, lô 3 để ông H có lối đi vào nhà là phù hợp.

[4] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được chia. Theo biên bản định giá ngày 13/01/2023 vị trí đất có giá trị 7.000.000đ/m² bà T được hưởng 881,9m² x 7.000.000đ = 6.173.300.000đ, án phí phải chịu là 112.000.000đ + 0,1% x 2.173.300.000đ = 114.173.300đ. Ông H phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được hưởng là 882m² x 7.000.000đ = 6.174.000.000đ, án phí phải chịu là 112.000.000đ + 0,1% x 2.174.000.000đ = 114.174.000đ.

[5] *Về chi phí tố tụng:* Gồm có chi phí đo vẽ đất và chi định giá bà T đã tạm ứng, bà T tự nguyện chịu, không yêu cầu, không cung cấp hóa đơn nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1-/ Chấp nhận câu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền sử dụng một phần thửa đất 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ (Lô 1) diện tích 881,9m² trong đó có 50m² đất ở, đất có tứ cận:

- Bắc giáp thửa đất 62 có chiều dài từ điểm 1, 2 là 27,93m.
- Nam giáp phần còn lại của thửa 317 có chiều dài từ điểm 4, 10 là 30,58m.
- Đông giáp đường nhựa (R>4m) điểm 2,3,4 dài 29,9m.
- Tây giáp thửa đất 62 có chiều dài từ điểm 1,12, 11, 10 là 30,98m.

+ Ông Nguyễn Thanh H được quyền sử dụng một phần thửa đất số 317 tờ bản đồ số 111 thị trấn Đất Đỏ (Lô 2, Lô 3) có diện tích 882m² trong đó có 50m² đất ở đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp phần còn lại của thửa 317 có chiều dài từ điểm 4, 10 là 30,58m.
- Nam giáp thửa 342 có chiều dài từ điểm 6, 7 là 28,86m.
- Đông giáp đường nhựa (R>4m) điểm 4, 5, 6 dài 29,83m.
- Tây giáp thửa đất 302 có chiều dài từ điểm 7,8,9,10 là 29,77m.

Đất đã được sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 895954 ngày 19/02/2017 do bà T, ông H cùng đứng tên.

Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền kê khai đăng ký lại đất; Cơ quan chuyên môn có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án của Tòa án. (Khoản 3, Điều 100 Luật đất đai năm 2014)

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 13-2023 ngày 11/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ)

2-/ *Về chi phí tố tụng:* Bà T tự nguyện chịu chi phí tố tụng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng, bà T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được hưởng là 114.173.300đ (Một trăm mười bốn triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010046 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, bà T còn phải nộp là 111.673.300đ

(Một trăm mười một triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn, ba trăm đồng) tiền án phí; Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch trên giá trị tài sản được hưởng là 114.174.000đ (Một trăm mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

4-/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- CCTHADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN TIẾN